

Số: /2021/QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
**Quy định mức trần thù lao công chứng,
chi phí chứng thực trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Công chứng ngày 20/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1883/TTr-STP, ngày 28/10/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức trần thù lao công chứng, chi phí chứng thực trên địa bàn tỉnh Hòa Bình như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức trần thù lao công chứng, chi phí chứng thực trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Các Tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh.
- b) Phòng Tư pháp các huyện, thành phố.
- c) Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.
- d) Các tổ chức, cá nhân có yêu cầu công chứng, chứng thực.

3. Mức trần thù lao công chứng, chi phí chứng thực

STT	NỘI DUNG	MỨC TRẦN
A	THÙ LAO CÔNG CHỨNG	
I	Thù lao soạn thảo hợp đồng giao dịch	<i>(Đồng/trường hợp)</i>
1	Hợp đồng kinh tế, thương mại, đầu tư, kinh doanh	300.000
2	Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất	150.000
3	Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất	150.000
4	Hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất	150.000
5	Hợp đồng mua bán, tặng cho, góp vốn bằng tài sản khác	150.000
6	Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất; thuê nhà ở; thuê, thuê lại tài sản	150.000
7	Hợp đồng ủy quyền	150.000
8	Hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản, bảo lãnh tài sản	150.000
9	Hợp đồng sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ, chấm dứt hợp đồng, giao dịch	100.000
10	Hợp đồng mua bán, tặng cho xe ô tô, xe máy	100.000
11	Di chúc	150.000
12	Văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản	150.000
13	Văn bản thỏa thuận về tài sản của vợ chồng	150.000
14	Văn bản từ chối nhận di sản	100.000
15	Giấy ủy quyền	100.000
16	Hợp đồng giao dịch khác (Hợp đồng vay tiền...)	150.000
II	Thù lao dịch thuật	<i>(Đồng/trang)</i>
1	Dịch từ tiếng nước ngoài sang Tiếng Việt	
	- Dịch từ Tiếng Anh sang Tiếng Việt	100.000
	- Dịch từ tiếng nước ngoài khác sang Tiếng Việt	150.000
2	Dịch từ Tiếng Việt sang tiếng nước ngoài	
	- Dịch từ Tiếng Việt sang Tiếng Anh	150.000
	- Dịch từ Tiếng Việt sang tiếng nước ngoài khác	200.000

III	Đánh máy, sao chụp văn bản	(Đồng/trang)
1	Đánh máy văn bản (trang A4)	10.000
2	In, Sao chụp văn bản (trang A4)	1.000
2	In, Sao chụp văn bản (trang A3)	3.000
IV	Các việc khác	(Đồng/trường hợp)
1	Công bố di chúc	150.000
2	Niên yết thông báo hồ sơ thừa kế	150.000
3	Các việc khác không có trong danh mục này	Các bên tự thoả thuận trên cơ sở chi phí thực tế
B	CHI PHÍ CHỨNG THỰC	Áp dụng theo quy định tại mục III phần A

Điều 2. Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện và hướng dẫn, kiểm tra việc thu mức trần thù lao công chứng, chi phí chứng thực theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 23/11/2021 và thay thế Quyết định số 41/2015/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình quy định mức trần thù lao công chứng, chi phí chứng thực trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các Tổ chức hành nghề công chứng, các cơ quan có thẩm quyền thực hiện chứng thực và thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Hoà Bình;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP/UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học và Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NVK (BTh, 120b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Văn Khánh